

ĐÀO TẠO QUẢN LÝ VĂN HOÁ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO VIỆT NAM

PHẠM BÍCH HUYỀN

Tóm tắt

Những thay đổi sâu sắc và toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học - công nghệ của thế kỷ XXI đã đặt ra những vấn đề mang tính thời sự cho lĩnh vực quản lý văn hoá nghệ thuật. Để đáp ứng nhu cầu lý luận và thực tiễn, khoa học Quản lý văn hoá và mô hình đào tạo Quản lý văn hoá ở nhiều nước trên thế giới đang được đổi mới và không ngừng phát triển. Phân tích kinh nghiệm quốc tế về đào tạo quản lý văn hoá sẽ mang lại những bài học hữu ích, góp phần định hướng cho sự phát triển của lĩnh vực này ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Quản lý văn hoá nghệ thuật, khoa học Quản lý văn hoá, đào tạo Quản lý văn hoá

Abstract

The deep and comprehensive changes on economy, politics, society, science and technology of 21st century have put forward the issues in the field of culture and arts management. In order to meet the theoretical and practical demand, the science on cultural management and the training model of cultural management in many countries in the world have been innovated and developed continuously. Analyzing the international experience in cultural management training will bring the useful lessons, contributing to orient the development of this field in Vietnam in the coming time.

Keyword: Culture and arts management, science of cultural management, cultural management training

1. Một số vấn đề thời sự quốc tế về quản lý văn hoá

1.1. Bối cảnh

Bước sang thế kỉ XXI, có thể nhận thấy bối cảnh hoạt động của lĩnh vực văn hoá nghệ thuật cũng như quản lý văn hoá nghệ thuật đã và đang bị chi phối mạnh mẽ bởi quá trình toàn cầu hoá và sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu. Những đặc điểm nổi bật có thể kể đến là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông - những đổi mới, cải tiến đang từng ngày từng giờ làm thay đổi phương thức sáng tạo, sản xuất, phân phối và thụ hưởng văn hoá nghệ thuật của

con người. Bên cạnh đó, ở các nước phát triển, chủ nghĩa kinh tế tân tự do (neoliberal) đã và đang phát huy ảnh hưởng tới đời sống kinh tế - chính trị. Đó là quan niệm cho rằng thị trường tự do sẽ giúp cho việc phân phối các nguồn lực trong xã hội một cách hiệu quả nhất và quyền lực của chính quyền nên được chuyển giao cho khu vực tư nhân (8, tr.3).

Trong khi đó, vai trò của nhà nước trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật vẫn được nhiều quốc gia coi trọng. Nhà nước được coi là trung tâm cung cấp các sản phẩm công, hữu ích cho cộng đồng; đồng thời là công cụ điều tiết, đảm bảo sự công bằng trong phân phối và tái phân

phối các sản phẩm, dịch vụ văn hoá. Nhà nước là tâm điểm của quá trình xây dựng và củng cố bản sắc văn hoá dân tộc, đặc biệt khi bản sắc văn hoá gắn kết chặt chẽ với các truyền thống văn hoá như ngôn ngữ, phong tục, tập quán v.v... Những vấn đề này không thể được giải quyết một cách ổn thoả nếu chỉ trông cậy vào hoạt động của khu vực tư nhân (5,6,8).

Bên cạnh biến động của môi trường kinh tế - chính trị vĩ mô, cần nhận thấy bản chất của hoạt động văn hoá nghệ thuật cũng đang thay đổi nhanh chóng. Trong thời đại ngày nay, nghệ sĩ hoạt động như những doanh nghiệp cỡ vừa và nhỏ chứ không đơn thuần chỉ là người được tuyển dụng hay làm thuê. Hoạt động văn hoá nghệ thuật đã thu hút và dựa trên nhiều nguồn tài chính đa dạng từ chính quyền trung ương, địa phương và từ các tổ chức tư nhân, doanh nghiệp, cá nhân, quỹ và hiệp hội v.v... Tri thức và kỹ năng sáng tạo văn hoá nghệ thuật không chỉ được phát triển trong các ngành công nghiệp văn hoá và sáng tạo mà còn được áp dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp khác (4, 7, 8). Điều này đã đặt ra những vấn đề mới mẻ, chưa từng có tiền lệ cho quản lý văn hoá nghệ thuật.

1.2. Những vấn đề trọng tâm của quản lý văn hoá hiện nay

Bối cảnh trên đã mang lại những quan điểm và phương thức hoạt động mới cho lĩnh vực quản lý văn hoá nghệ thuật. Nếu trước đây, hoạt động quản lý trong tổ chức vì lợi nhuận và tổ chức không vì mục tiêu lợi nhuận (phi lợi nhuận) được phân biệt khá rạch ròi thì nay, ranh giới giữa hai loại hình quản lý này ngày càng bị thu hẹp. Nói cách khác, nhiều chiến lược, chiến thuật quản lý được áp dụng rộng rãi trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật, không phân biệt vì mục tiêu lợi nhuận hay phi lợi nhuận. Mặt khác, ngày nay, đối với các tổ chức văn hoá nghệ thuật không vì mục tiêu lợi nhuận thì nhà quản lý cũng không thể không tính đến các vấn đề mang tính kinh tế như thị trường, nhu cầu, doanh thu, chi phí, giá cả, lợi ích v.v... (5, 6, 8).

Công nghệ hiện đại và sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông đa phương tiện cùng với nhu cầu và phương thức hưởng thụ nghệ thuật đa dạng của công chúng đã thúc đẩy sự hình thành các mô hình quản lý văn hoá nghệ thuật mới, mang tính tích hợp. Hoạt động quản lý trong những lĩnh vực mang tính hiện đại như phát thanh, truyền hình, điện ảnh, xuất bản hay lĩnh vực mang tính truyền thống như nghệ thuật biểu diễn (cổ điển, truyền thống), bảo tàng, di sản... đều đứng trước nhu cầu đổi mới và áp dụng kịp thời các thành tựu khoa học công nghệ.

Có thể nói, vấn đề cấp bách, mang tính thời sự trong quản lý văn hoá, ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô, là làm thế nào để đạt được sự cân bằng giữa giá trị văn hoá và giá trị kinh tế của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá nghệ thuật. Làm sao để khu vực văn hoá nghệ thuật nói chung và mỗi tổ chức văn hoá nghệ thuật nói riêng có thể thực hiện những sứ mệnh cao quý về nghệ thuật đồng thời tồn tại và phát triển một cách lành mạnh, bền vững về tài chính (4, 5, 8).

Trong những thập kỷ gần đây, các nhà hoạch định chính sách và chuyên gia quản lý văn hoá ở nhiều nước trên thế giới đều đi đến một điểm chung là khẳng định tính cấp thiết của việc phát triển các ngành công nghiệp văn hoá và công nghiệp sáng tạo. Họ đều thừa nhận cần phải đo lường sự đóng góp của khu vực văn hoá nghệ thuật cho phát triển kinh tế, tạo thu nhập và việc làm; nghĩa là phải hiểu rõ lợi ích kinh tế (thị trường và phi thị trường) của văn hoá và nghệ thuật. Bên cạnh đó, cần nhận thức rõ tầm quan trọng của giá trị văn hoá như một phần của các giá trị công được tạo ra bởi khu vực văn hoá. Từ đó, cần đảm bảo sự hài hoà giữa giá trị nghệ thuật, giá trị văn hoá với giá trị thực dụng trong quản lý các ngành công nghiệp văn hoá. Đối với nhiều quốc gia, vấn đề cấp bách hiện nay là xây dựng khung lý thuyết và chính sách làm hậu thuẫn vững chắc cho phát triển công nghiệp văn hoá, hỗ trợ môi trường thuận lợi để khu vực tư nhân tham gia vào lĩnh vực văn hoá đồng thời thu hút sự tham gia của nhiều bộ, ngành như di sản, giáo

dục, phúc lợi xã hội, thương mại, phát triển đô thị và nông thôn v.v... Chỉ như vậy mới đảm bảo sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của khu vực công nghiệp văn hoá (4, 5, 8).

1.3. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành khoa học Quản lý văn hoá

Có thể nói, các hoạt động quản lý văn hoá đã diễn ra từ hàng ngàn năm nay, gắn liền với hoạt động văn hoá, nghệ thuật của con người. Từ thời cổ đại, trung đại đến thời cận đại và hiện đại, hoạt động quản lý văn hoá nghệ thuật đã trải qua quá trình phát triển không ngừng để “giải quyết các vấn đề hiện tại” và “chuẩn bị cho tương lai” của văn hoá nghệ thuật (4, tr.18-38). Tuy nhiên, quản lý văn hoá, với tư cách một ngành khoa học mới chỉ được nhìn nhận từ vài thập kỉ gần đây. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, quản lý văn hoá đã trở thành một ngành khoa học độc lập khi được tách ra từ lĩnh vực kinh tế học văn hoá và khoa học quản lý. Nói cách khác, ngành quản lý văn hoá có gốc rễ sâu xa từ kinh tế học văn hoá và khoa học quản lý (6, tr.4).

Quản lý văn hoá là một ngành khoa học mang tính liên ngành, là nơi gặp gỡ của khoa học quản lý, kinh tế học, tài chính, quản lý nhân sự, giáo dục, mỹ học, nghệ thuật học, văn hóa học, tâm lý học v.v... Mục tiêu của quản lý văn hoá ở tầm vĩ mô là phát triển lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, hỗ trợ cho văn hoá nghệ thuật đóng góp vào sự phát triển lành mạnh của xã hội. Ở tầm vi mô, quản lý văn hoá nhằm giúp các tổ chức văn hoá nghệ thuật và nghệ sĩ đạt được mục tiêu văn hoá nghệ thuật, chính trị - xã hội, tài chính của mình. Có thể nói, quản lý văn hoá nhằm đưa văn hoá nghệ thuật tới những đỉnh cao mới và đưa nghệ thuật đến với khán giả (4, 6, 7).

Ngày nay, những vấn đề mang tính thời sự toàn cầu của quản lý văn hoá đã trở thành nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành khoa học Quản lý văn hoá mà bằng chứng là sự nở rộ của các tổ chức, hiệp hội chuyên ngành, ấn phẩm chuyên ngành và chương trình đào tạo Quản lý văn hoá trên khắp thế giới.

Về các tổ chức, hiệp hội ngành Quản lý văn hoá, có thể kể đến *Hiệp hội quốc tế về Quản lý văn hoá và nghệ thuật* (The International Association of Arts and Cultural Management - AIMAC), được thành lập vào năm 1991, là mạng lưới quốc tế gắn kết các học giả, nhà hoạch định chính sách, chuyên gia nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực quản lý văn hoá nghệ thuật. Cũng từ năm 1991, hai năm một lần, AIMAC đã tổ chức *Hội thảo quốc tế về Quản lý văn hoá và nghệ thuật*, tạo một diễn đàn có uy tín để trao đổi học thuật và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý văn hoá trên toàn cầu. Đến năm 2013 vừa qua, AIMAC đã tổ chức được 12 hội thảo, phát triển kho tư liệu phong phú về quản lý văn hoá, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành (11).

Về xuất bản phẩm chuyên ngành Quản lý văn hoá, trước đây, bài viết về quản lý văn hoá thường được đăng rải rác trong tạp chí của ngành khoa học quản lý hoặc kinh tế học văn hoá. Tạp chí về Quản lý văn hoá cũng chưa đúng độc lập mà thường gắn với một số mảng học thuật khác. Ngày nay, nhiều tạp chí chuyên ngành về Quản lý văn hoá nghệ thuật đã được xuất bản thường kì, là nơi công bố kết quả nghiên cứu chuyên biệt của ngành. Ví dụ, *Tạp chí quốc tế về Quản lý nghệ thuật* (International Journal of Arts Management - IJAM), phát hành lần đầu vào năm 1998, hay *Tạp chí Quản lý văn hoá và nghệ thuật Châu Á - Thái Bình Dương* (Asia Pacific Journal of Arts and Cultural Management - APJACM) được xuất bản từ năm 2003 (9, 10). Bên cạnh đó còn có thể kể đến một khối lượng lớn sách chuyên khảo về quản lý văn hoá nói chung và quản lý các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, di sản, công nghiệp văn hoá v.v... nói riêng.

Về đào tạo ngành Quản lý văn hoá, có thể nhận thấy, sự tăng trưởng các khoa đào tạo là kênh quan trọng để chuyển tải tri thức chuyên ngành, đồng thời là bằng chứng hùng hồn cho sự phát triển mạnh mẽ của khoa học Quản lý văn hoá. Theo các kết quả nghiên cứu, đào tạo Quản lý văn hoá trên thế giới đã trải qua hai giai đoạn phát triển: giai đoạn phát triển chậm

(1966 - 1980) và giai đoạn phát triển nhanh (từ năm 1980 đến nay). Trường Đại học Yale ở Hoa Kỳ được coi là nơi đầu tiên đưa ra chương trình đào tạo đại học về Quản lý văn hoá vào năm 1966. Sau đó, những khoá học tương tự đã được tổ chức ở nhiều trường đại học như City University ở Anh (1967), St. Petersburg Theatre Arts Academy ở Nga (1968), York Universtiy ở Canada (1969)... Theo số liệu thống kê, nếu như cho đến năm 1980, trên toàn thế giới có khoảng 30 chương trình đào tạo về Quản lý văn hoá thì đến năm 1990, con số này là hơn 100 và đến năm 1999, đã có hơn 400 chương trình đào tạo loại này (6, tr.11).

2. Kinh nghiệm đào tạo Quản lý văn hoá ở một số nước trên thế giới

Như đã đề cập ở trên, các khoá đào tạo mang tính chính qui, ở bậc đại học và sau đại học về Quản lý văn hoá mới được phát triển trong vòng 50 năm qua. Tuy vậy, hiện nay, đứng trước yêu cầu phát triển của ngành nghề trong thời đại mới, lĩnh vực đào tạo Quản lý văn hoá ở nhiều nước trên thế giới đang có những đổi mới mạnh mẽ và bước tiến vượt bậc.

2.1. Về cơ sở đào tạo

Qua khảo sát, có thể thấy, các chương trình đào tạo Quản lý văn hoá được xây dựng và tổ chức thực hiện ở nhiều khoa/trường đại học khác nhau, trong đó hai nhóm chính là các khoa/trường thuộc ngành khoa học quản lý hoặc kinh tế và các khoa/trường ngành văn hoá nghệ thuật.

Chẳng hạn, ở một số nước, chương trình đào tạo Quản lý văn hoá được đặt trong các khoa hoặc trường chuyên về khoa học quản lý như khoá đào tạo bậc thạc sĩ *Quản lý văn hoá và nghệ thuật* của Trường Quản lý thuộc Đại học tổng hợp Nam Úc. Mặt khác, một số trường kinh tế cũng đào tạo ngành Quản lý văn hoá như Trường Kinh doanh Paris (Pháp) đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh chuyên ngành *Quản lý văn hoá và nghệ thuật* hay Trường Kinh doanh Schulich thuộc York University, Canada đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh, chuyên ngành *Quản lý nghệ thuật và Truyền thông*.

Bên cạnh đó, nhiều khoá đào tạo Quản lý văn hoá được phát triển trong các khoa hoặc trường văn hoá - nghệ thuật, từ loại hình nghệ thuật sân khấu, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật thị giác, truyền thông đến khu vực bảo tàng học và di sản. Chẳng hạn, chương trình đào tạo cử nhân *Quản lý văn hoá và nghệ thuật* của Khoa Mỹ thuật và Truyền thông thuộc Đại học tổng hợp MacEwan - Canada hay khoá đào tạo thạc sĩ *Quản lý văn hoá và nghệ thuật* của Trường Nghệ thuật và Thiết kế thuộc Viện Pratt - New York, Mỹ. Ngoài ra, nhiều khoa/trường thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn cũng mở khoá đào tạo về Quản lý văn hoá như Trường Khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học tổng hợp Melbourne - Australia với chương trình đào tạo thạc sĩ *Quản lý văn hoá và nghệ thuật*.

Như vậy, chủ thể đào tạo trong lĩnh vực Quản lý văn hoá khá đa dạng, phản ánh nguồn gốc và tính đa ngành, liên ngành của chương trình đào tạo cũng như của bản thân ngành khoa học Quản lý văn hoá. Mỗi cơ sở đào tạo, tùy theo thế mạnh chuyên môn về quản lý, kinh tế hoặc nghệ thuật, mang lại những trọng tâm và tính chuyên biệt cho các chương trình đào tạo. Đây cũng là sự khác biệt, tạo lợi thế cạnh tranh cho từng chương trình đào tạo đồng thời cung cấp những hướng tiếp cận chuyên ngành phong phú, phù hợp với nhu cầu và năng lực của nhiều đối tượng học tập khác nhau.

Xu hướng hiện nay là nhiều cơ sở đào tạo thuộc nhiều quốc gia phối hợp với nhau trong đào tạo Quản lý văn hoá. Một ví dụ tiêu biểu là trường HEC Montréal (Canada) kết hợp với Southern Methodist University, Dallas (Mỹ) và SDA Bocconi, Milan (Italy) để thực hiện chương trình đào tạo Thạc sĩ quản lý, chuyên ngành *Quản lý nghệ thuật quốc tế*. Như vậy, một chương trình đào tạo được thực hiện ở 3 cơ sở đào tạo thuộc 3 quốc gia, 3 nền văn hoá khác nhau, thể hiện rõ tham vọng đạt đến tầm quốc tế của chương trình đào tạo Quản lý văn hoá.

Một xu hướng khác là sự hình thành các hiệp hội đào tạo Quản lý văn hoá nhằm hỗ trợ

các cơ sở đào tạo thành viên trong đào tạo và nghiên cứu. Tiêu biểu là *Hiệp hội các nhà đào tạo quản lý nghệ thuật* (Association of Arts Administration Educators – AAAE), được thành lập năm 1975. Đây là tổ chức mang tính quốc tế, đại diện cho các trường có đào tạo đại học và sau đại học về Quản lý văn hoá, bao quát các chuyên ngành quản lý nghệ thuật thị giác, nghệ thuật biểu diễn, văn học, truyền thông, di sản... Hiện nay AAAE thu hút hàng chục thành viên với hơn 40 chương trình đào tạo đại học và 60 chương trình đào tạo sau đại học ngành Quản lý văn hoá từ nhiều quốc gia như Mỹ, Singapore, Nhật Bản... Tương tự, Canada đã thành lập *Hiệp hội các nhà đào tạo Quản lý văn hoá Canada* (Canadian Association of Arts Administration Educators - CAAAE) năm 1983, các nước trong khu vực châu Âu đã thiết lập *Mạng lưới các trung tâm đào tạo Quản lý văn hoá châu Âu* (European Network of Cultural Administration Training Centers - ENCATC) vào năm 1992.

2.2. Về mục tiêu đào tạo

Mục tiêu của mỗi chương trình đào tạo Quản lý văn hoá cụ thể được xác định là khác nhau. Tuy nhiên, có thể thấy, nhiều chương trình đào tạo đều hướng đến mục tiêu chung là đào tạo các nhà lãnh đạo và quản lý trong khu vực văn hóa nghệ thuật cho thế kỷ XXI, những người có năng lực sáng tạo và tầm nhìn chiến lược để hỗ trợ sự phát triển của văn hoá nghệ thuật, thúc đẩy thương mại các sản phẩm văn hoá nghệ thuật, xây dựng những cộng đồng sáng tạo trong một môi trường đang thay đổi nhanh chóng về văn hoá, kinh tế, chính trị và xã hội.

Các mục tiêu cụ thể thường là: trang bị cho sinh viên hệ thống công cụ và kinh nghiệm cần thiết về lãnh đạo, quản lý để duy trì sự tồn tại và phát triển của các nền văn hoá, hỗ trợ hoạt động sáng tạo nghệ thuật của nghệ sĩ, quảng bá nghệ thuật trong nước và quốc tế, sử dụng văn hoá nghệ thuật để tạo ra sự phồn thịnh về vật chất và tinh thần cho xã hội cũng như phát triển năng lực sử dụng các phương tiện và công nghệ hiện đại. Sinh viên được chú

trọng tăng cường khả năng suy nghĩ mang tính phê phán, kỹ năng phản ánh và năng lực lãnh đạo để có thể xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược về hoạt động nghệ thuật, giáo dục nghệ thuật, tài chính, marketing, quản lý nguồn nhân lực trên một diện rộng các loại hình nghệ thuật và trong nhiều bối cảnh hoạt động khác nhau. Sinh viên cũng được nâng cao hiểu biết về hệ thống chính sách văn hoá của chính phủ và các hội đồng nghệ thuật địa phương.

Có thể thấy, điểm mới là nhiều chương trình đã nhấn mạnh vào mục tiêu trang bị tri thức và năng lực cần thiết để các nhà lãnh đạo và quản lý văn hoá nghệ thuật tương lai có thể kết nối 3 yếu tố (3 chữ C) được coi là đặc biệt quan trọng cho sự sinh tồn mạnh mẽ của văn hoá trong thời đại ngày nay: văn hoá (culture), cộng đồng (community) và thương mại (commercial).

2.3. Về phương thức đào tạo

Nhìn chung, chương trình đào tạo Quản lý văn hóa ở các nước phát triển được tổ chức theo học chế tín chỉ. Phương thức đào tạo mang tính định hướng tới sinh viên, coi sinh viên là trung tâm của quá trình giảng dạy và tổ chức học tập. Sinh viên được tạo điều kiện để phát huy tối đa tính tích cực, chủ động trong suốt quá trình học tập như có quyền lựa chọn và thiết kế lộ trình học tập phù hợp với khả năng, sở trường và nguồn lực cụ thể của mình. Sinh viên có thể lựa chọn môn học, giờ học, giảng viên, địa điểm thực tập và tự chủ trong điều chỉnh tiến độ học tập. Thông qua các hoạt động tư vấn, trợ giúp thường xuyên, nhà trường và các tổ chức đoàn thể đều cố gắng hỗ trợ tối đa cho việc sinh sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp của sinh viên.

Trong chương trình đào tạo Quản lý văn hoá ở nhiều nước, các môn học có thể được thực hiện theo phương thức học tập trung trên lớp hoặc học trực tuyến trên mạng. Ngoài các học phần mang tính lý thuyết và thảo luận trên lớp, hầu hết chương trình đào tạo đều chú trọng phần thực tập nghề nghiệp, với mục tiêu cung cấp cơ hội cho sinh viên mở rộng và ứng

dụng tri thức và kỹ năng đã được học, tích lũy những trải nghiệm nghề nghiệp quý báu, thiết lập mối quan hệ, mở rộng mạng lưới chuyên môn và bước đầu khẳng định bản thân trong cộng đồng nghề nghiệp. Trong quá trình thực tập, sinh viên được thực hiện một loạt nhiệm vụ phù hợp và thường được yêu cầu xây dựng một dự án cụ thể gắn với cơ sở thực tập. Kinh nghiệm thực tập sẽ giúp sinh viên gắn kết giữa học và hành, giữa lý thuyết và thực tiễn và có sự chuẩn bị hữu ích cho việc gia nhập thị trường lao động sau này.

Bên cạnh đó, nhiều trường xác định đào tạo Quản lý văn hoá là đào tạo mang tính nghề nghiệp nên coi trọng phương thức học tập mang tính trải nghiệm thông qua các dự án thực hành, mang tính ứng dụng. Các môn học trong chương trình thường thiết kế hoạt động nhóm để phát triển cơ hội giao tiếp, phối hợp, hợp tác của sinh viên. Song song là các hoạt động cá nhân nhằm phát triển tính độc lập và năng lực cá nhân của người học. Không những thế, quá trình đào tạo trong nhà trường được gắn kết chặt chẽ với thực tiễn đời sống nghề nghiệp. Nhiều giảng viên đồng thời là các chuyên gia quản lý, lãnh đạo hoặc nhà nghiên cứu, tư vấn trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật. Nhà trường thường mời chuyên gia, nhà quản lý có uy tín và kinh nghiệm thực tiễn đến giảng, nói chuyện và trao đổi với sinh viên. Nhiều hoạt động giảng dạy được diễn ra ngay tại các tổ chức văn hoá nghệ thuật như bảo tàng, nhà hát, sân khấu kịch... Đặc biệt, các trường đều chú trọng xây dựng và phát triển mạng lưới quan hệ nhằm gắn kết các nhà quản lý văn hoá tương lai với cộng đồng nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

2.4. Về nội dung đào tạo

Chương trình đào tạo Quản lý văn hoá của nhiều cơ sở đào tạo ở các nước phát triển được cấu tạo gồm các môn học bắt buộc, cung cấp những khối kiến thức, kỹ năng cốt lõi và các môn học tự chọn, cung cấp thêm những tri thức đặc thù về các lĩnh vực chuyên môn.

Qua khảo sát một số chương trình đào tạo, có thể thấy những môn học cốt lõi là khá tương đồng, đó là:

- *Cơ sở cho quản lý văn hoá nghệ thuật*: nền tảng lý luận và thực tiễn cho hoạt động quản lý văn hoá nghệ thuật; bối cảnh đương đại của quản lý văn hoá nghệ thuật; sự phát triển của quản lý văn hoá.

- *Xây dựng và quản lý tổ chức*: xây dựng cơ cấu tổ chức; văn hóa của tổ chức; sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược cho tổ chức.

- *Lãnh đạo và quản lý*: vai trò, các vị trí lãnh đạo và quản lý trong tổ chức văn hoá nghệ thuật; các phong cách lãnh đạo và quản lý văn hoá nghệ thuật.

- *Lập kế hoạch chiến lược*: xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch chiến lược cho các tổ chức văn hoá nghệ thuật.

- *Quản lý cơ sở vật chất*: quản lý toà nhà, trang thiết bị, kho đạo cụ, trang phục.

- *Quản lý nhân sự*: xây dựng nhân sự trong tổ chức văn hoá nghệ thuật (tuyển chọn nhân viên, phân công nhiệm vụ và đánh giá kết quả hoạt động, phát triển nghề nghiệp, hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội).

- *Quản lý tài chính*: quản lý ngân sách, kế toán, báo cáo tài chính, thuế trong các tổ chức nghệ thuật phi lợi nhuận và vì lợi nhuận.

- *Marketing văn hoá nghệ thuật*: nghiên cứu thị trường, đánh giá nhu cầu, phát triển sản phẩm, dịch vụ, xây dựng chiến lược giá cả, quảng bá, phân phối, quan hệ công chúng trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật.

- *Gây quỹ*: vai trò của việc gây quỹ, phương thức gây quỹ, đối tác tiềm năng.

- *Giáo dục nghệ thuật*: thiết kế và thực hiện các chương trình giáo dục như công cụ để xây dựng đội ngũ khán giả trung thành, phát triển khán giả mới và hỗ trợ chương trình nghệ thuật của tổ chức.

- *Chính sách văn hoá*: sự phát triển và nội dung các chính sách văn hoá quốc gia và quốc tế, chính sách của tổ chức nghệ thuật.

- *Luật về văn hoá nghệ thuật*: phân tích các luật và tác động đến hoạt động văn hoá nghệ thuật.

- *Quản lý dự án văn hoá nghệ thuật*: phương thức xây dựng và điều hành các loại dự án văn hoá thuộc nhiều qui mô và cấp độ khác nhau.

Khối kiến thức tự chọn thường đi vào các lĩnh vực cụ thể của quản lý văn hoá nghệ thuật, tùy theo định hướng nghề nghiệp hoặc thế mạnh của từng cơ sở đào tạo:

- *Quản lý nghệ thuật biểu diễn (quản lý các ngành nghệ thuật biểu diễn cụ thể như âm nhạc, múa...)*.

- *Quản lý bảo tàng và di sản*.

- *Quản lý nghệ thuật thị giác (quản lý mỹ thuật, quản lý gallery)*.

- *Quản lý festival và các sự kiện đặc biệt*.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hoá*.

- *Truyền thông trong quản lý văn hoá*.

- *Các ngành công nghiệp văn hoá (công nghiệp sáng tạo, công nghiệp giải trí)*.

- *Kiểm duyệt trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật*.

- *Quản lý sự thay đổi*.

Bên cạnh đó, mỗi quốc gia, tùy theo đặc điểm và điều kiện cụ thể còn giới thiệu các mảng kiến thức bổ trợ. Chẳng hạn Mỹ, Anh, Singapore thường đưa môn học Đa dạng văn hoá, Pháp đưa môn học Ngoại lệ văn hoá (coi văn hoá là những sản phẩm đặc thù, cần được đối xử đặc biệt trong thương mại quốc tế), Úc đưa môn học về văn hoá nghệ thuật bản địa, Nam Phi đưa môn học về dân chủ văn hoá, bình đẳng về quyền văn hoá giữa các chủng tộc...

Như vậy, có thể thấy, nội dung của các chương trình đào tạo Quản lý văn hoá của cộng đồng quốc tế khá toàn diện, bao quát nhiều khía cạnh, lĩnh vực trong quản lý và điều hành hoạt động văn hoá nghệ thuật ở tầm vĩ mô và vi mô. Bên cạnh những môn học hiện đại như ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý văn hoá, các môn học khác cũng đều cập nhật những vấn đề thời sự, mang tính đương đại của ngành

nghề. Nhìn chung, chương trình đào tạo bậc đại học và thạc sĩ về Quản lý văn hoá có nhiều nét tương đồng, thể hiện sự liên thông giữa các cấp bậc đào tạo. Tuy nhiên, chương trình đào tạo ở bậc thạc sĩ thường có mức độ phức tạp, sâu sắc và đặt ra yêu cầu học tập, nghiên cứu, giải quyết vấn đề cao hơn so với trình độ đào tạo đại học.

3. Định hướng phát triển đào tạo Quản lý văn hoá cho Việt Nam

3.1. Nhu cầu đổi mới đào tạo Quản lý văn hoá ở Việt Nam

Việt Nam không nằm ngoài vòng tác động của bối cảnh quốc tế và xu hướng phát triển chung của thế giới. Bên cạnh đó, không thể không tính đến những điều kiện đặc thù và tình hình thực tiễn của đất nước như sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng. Hệ quả tất yếu là những thay đổi sâu sắc và toàn diện đã và đang hiển hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực văn hoá nghệ thuật.

Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2009 đã vạch ra những định hướng chiến lược cho sự phát triển văn hoá nghệ thuật Việt Nam trong thế kỷ XXI. Đặc biệt, chúng ta vừa tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* và hướng tới xây dựng một nghị quyết mới của Trung ương Đảng về văn hoá nghệ thuật, đánh dấu bước phát triển của sự nghiệp văn hoá nghệ thuật nước nhà (1, 2, 3).

Chính vì vậy, lĩnh vực quản lý văn hoá nghệ thuật ở nước ta đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức mới. Hiện nay, những vấn đề mang tính thời sự như gắn kết phát triển văn hoá và phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy di sản văn hoá của các dân tộc, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, phát triển văn hoá cộng đồng, xây dựng nhân cách văn hóa cũng như những vấn đề quản lý của từng lĩnh vực

nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, di sản, du lịch... đang đặt ra nhu cầu cấp bách phải kiện toàn và đổi mới hoạt động quản lý văn hoá. Từ đó, lĩnh vực đào tạo Quản lý văn hoá cũng cần được định hướng phát triển đúng đắn để có thể xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ các nhà quản lý văn hoá chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của ngành nghề và xã hội.

3.2. Vài nét về tình hình đào tạo Quản lý văn hoá ở Việt Nam

Điểm lại tình hình phát triển đào tạo Quản lý văn hoá ở nước ta trong thời gian qua, có thể thấy Trường Đại học Văn hoá Hà Nội là cơ sở đào tạo đi tiên phong đồng thời là đơn vị chủ chốt trong đào tạo ở bậc đại học và thạc sĩ. Từ những năm 1990, Khoa Văn hoá quần chúng (tiền thân của Khoa Quản lý văn hoá nghệ thuật) của nhà trường đã thử nghiệm xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo *Quản lý văn hoá* với tư cách là một chuyên ngành của ngành Văn hoá quần chúng cho hệ tại chức và sau đó là hệ chính qui tập trung. Tuy nhiên, phải đến những năm 2000, thông qua các dự án phát triển Quản lý văn hoá của Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch), với sự trợ giúp của Quỹ Ford, chương trình đào tạo Quản lý văn hoá mang tính dân tộc, khoa học và hội nhập quốc tế mới được khoa và nhà trường xây dựng. Năm 2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức phê duyệt, cho phép mở ngành Quản lý văn hoá với tư cách là một ngành đào tạo độc lập và giao nhiệm vụ đào tạo hệ đại học của ngành cho Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

Đến nay, sau hơn hai thập kỉ, ngành đào tạo Quản lý văn hoá ở Trường Đại học Văn hoá Hà Nội đã không ngừng phát triển và lớn mạnh. Đây là ngành đào tạo luôn có số lượng giảng viên và sinh viên lớn nhất trong toàn trường. Từ một chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hoá ban đầu, trường đã phát triển các chuyên ngành đa dạng như *Quản lý nghệ thuật và chính sách văn hoá, Quản lý hoạt động âm nhạc, Quản lý mỹ thuật và quảng cáo, Biểu diễn âm nhạc, Đạo diễn sự kiện, Biên đạo múa quần*

chúng, Quản lý nhà nước về gia đình, Quản lý nhà nước về di sản văn hoá. Bên cạnh chương trình đào tạo hệ đại học, Nhà trường đã xây dựng và ban hành chương trình đào tạo cao đẳng và chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học cho hệ chính qui tập trung và hệ vừa làm vừa học. Hàng ngàn sinh viên và cán bộ quản lý văn hoá đương chức thuộc các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và đơn vị văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc được nhà trường đào tạo và bồi dưỡng về Quản lý văn hoá đang là nhân tố quan trọng góp phần vào sự nghiệp đổi mới và phát triển văn hoá nghệ thuật của đất nước.

Không những thế, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội cũng là một trong những cơ sở triển khai đào tạo Quản lý văn hoá ở bậc sau đại học sớm nhất và lớn nhất trong cả nước. Từ năm 2004, nhà trường đã chính thức được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, cho phép đào tạo thạc sĩ Quản lý văn hoá. Đến nay đã có gần 10 khoá học viên cao học tốt nghiệp, bổ sung vào nguồn nhân lực có trình độ cao về quản lý văn hoá. Hiện nay, nhà trường đang xây dựng đề án trình Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề nghị được phép đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý văn hoá, bên cạnh các chuyên ngành về Khoa học thư viện và Văn hoá học.

Ngoài Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, một số trường đại học và viện nghiên cứu có tổ chức đào tạo Quản lý văn hoá ở nhiều trình độ khác nhau. Hiện nay, đào tạo ngành Quản lý văn hoá trình độ trung cấp và cao đẳng được thực hiện khá rộng rãi trong hệ thống các trường trung cấp và cao đẳng văn hoá nghệ thuật ở khắp các địa phương. Về các cơ sở đào tạo bậc cử nhân ngành Quản lý văn hoá, có thể kể đến Trường Đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Sao Đỏ, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội... Một số nơi đã được phép đào tạo Quản lý văn hoá bậc thạc sĩ như Trường Đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến

nay, đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hoá bậc tiến sĩ chủ yếu được Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam thực hiện. Viện đã đào tạo hàng chục tiến sĩ thuộc chuyên ngành Quản lý văn hoá cho cả nước và một số nước trong khu vực. Hiện nay, qui mô đào tạo tiến sĩ Quản lý văn hoá của Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam đang được tiếp tục mở rộng, với sự tham gia tích cực của các phân viện tại Huế và thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Phương hướng phát triển đào tạo Quản lý văn hóa trong thời gian tới

Trong bối cảnh bắt đầu có sự cạnh tranh và phân hoá, đào tạo Quản lý văn hoá ở nước ta nói chung và ở Trường Đại học Văn hoá Hà Nội nói riêng cần có những định hướng phát triển phù hợp.

Thứ nhất, về phương thức đào tạo, các cơ sở đào tạo Quản lý văn hoá ở nước ta nên chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ. Cơ chế đào tạo theo tín chỉ sẽ đảm bảo tính khoa học và linh hoạt của chương trình đào tạo, sử dụng hợp lý các nguồn lực của nhà trường đồng thời phát huy tối đa sự năng động, sáng tạo của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Thứ hai, về nội dung đào tạo, chương trình đào tạo Quản lý văn hoá của các trường khác nhau, ngoài những mảng kiến thức cốt lõi chung của ngành, nên có những môn học thể thiện tính đặc thù, tùy thuộc theo chức năng, nhiệm vụ hoặc truyền thống, thế mạnh của từng cơ sở đào tạo. Các trường nên thường xuyên đổi mới, cập nhật hệ thống môn học và nội dung của từng môn học sao cho phù hợp với sự phát triển của ngành nghề và thời đại. Bên cạnh đó, cần phát triển các chuyên ngành mới nhằm đáp ứng và đón đầu nhu cầu của thực tiễn trong nước và quốc tế như *Quản lý truyền thông, Quản lý các ngành công nghiệp giải trí, Quản lý các ngành công nghiệp văn hoá và sáng tạo...* Mặt khác, hiện nay, ở nước ta còn có tình trạng mỗi đơn vị được giao đào tạo Quản lý văn hoá ở các trình độ khác nhau. Vì

vậy, ở tầm vĩ mô, cần có cơ chế đảm bảo sự liên thông, kế thừa và phát triển trong các bậc đào tạo ngành Quản lý văn hoá, từ trung cấp, cao đẳng, đại học đến thạc sĩ và tiến sĩ.

Thứ ba, về nguồn lực cho đào tạo Quản lý văn hoá, cần đầu tư đồng bộ các nguồn lực về đội ngũ giảng viên và chuyên gia nghiên cứu, nguồn tài chính, cơ sở vật chất và nguồn học liệu về quản lý văn hoá nghệ thuật và chính sách văn hoá. Trong đó, có thể coi phát triển nguồn nhân lực giảng dạy Quản lý văn hoá là khâu then chốt. Việt Nam cần có chiến lược đào tạo đội ngũ giảng viên, kết hợp đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài, khuyến khích và yêu cầu giảng viên kết hợp chặt chẽ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và tác nghiệp thực tế; chú trọng nâng cao khả năng ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) và công nghệ thông tin cho giảng viên và sinh viên Quản lý văn hoá để có thể tận dụng tối đa nguồn tư liệu chuyên ngành phong phú của các nước trên thế giới.

Thứ tư, cần đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về quản lý văn hoá và đào tạo quản lý văn hoá. Trong phạm vi quốc gia, cần thiết lập mạng lưới chuyên gia quản lý văn hoá và cơ sở đào tạo quản lý văn hoá, thường xuyên tổ chức hội thảo khoa học và các hoạt động nghề nghiệp để thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, việc mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế là nhu cầu thiết yếu và điều kiện quan trọng để học hỏi, kế thừa kinh nghiệm quản lý quốc tế, đồng thời tạo động lực nâng cao năng lực nội sinh của các chuyên gia và cơ sở đào tạo trong nước. Việt Nam cần phấn đấu vươn tới tầm khu vực và quốc tế về đào tạo Quản lý văn hoá, chủ động và tích cực hội nhập vào cộng đồng nghề nghiệp trên thế giới thông qua việc hợp tác đào tạo với các nước, phối hợp nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế, tổ chức và tham gia hội thảo và các sự kiện chuyên ngành... Một lần nữa, có thể thấy, bên cạnh cơ chế quản lý và sự hỗ trợ của nhà nước, cơ quan chủ quản, để hội nhập quốc tế thành công thì năng lực và sự nỗ lực của bản

thân mỗi giảng viên, chuyên gia nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý văn hoá là điều kiện cơ bản và tiên quyết.

Kết luận

Nhìn lại những thập kỷ vừa qua, có thể thấy cộng đồng quốc tế đã trải qua những bước phát triển vượt bậc về khoa học Quản lý văn hoá và đào tạo Quản lý văn hoá trong sự nỗ lực không ngừng để vượt qua những thách thức và chiếm lĩnh cơ hội mà biến động của môi trường vĩ mô cũng như vi mô mang lại. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm, xu hướng phát triển của khoa học Quản lý văn hoá và đào tạo Quản lý văn hoá ở một số nước trên thế giới, kết hợp nghiên cứu bối cảnh và nhu cầu cụ thể trong nước cũng như tình hình đào tạo Quản lý văn hoá ở Việt Nam hiện nay, chúng ta cần có những định hướng phát triển về phương thức đào tạo, nội dung đào tạo, đầu tư nguồn lực và tăng cường hợp tác quốc tế để có thể đưa sự nghiệp đào tạo Quản lý văn hoá nước nhà phát triển lên những tầm cao mới, tương xứng với các nước trong khu vực và trên toàn cầu

P.B.H

(TS, Phó trưởng Khoa QLVH-NT)

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2020, Ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguyễn Khoa Điềm (chủ biên) (2002), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia.

4. Byrnes, William J. (2003), *Management and the Arts*, 3rd edition, Boston, Focal Press.

5. Caust, Josephine (edited) (2013), *Arts Leadership: International Case Studies*, 1st edition, 3rd printing, Prahran, Tilde University Press.

6. Evrard, Yves and Colbert, Francois (2000), *Arts Management: A New Discipline Entering the Millennium?/ International Journal of Arts Management*, Volume 2 n2, pg.4-13.

7. Stein, Tobie S. and Bathurst, Jessica (2008), *Performing Arts Management: A Handbook of Professional Practices*, New York, Allworth Press.

8. Thorsby, David (2011), *Looking Ahead: Challenges to the Arts, Culture, Management and Policy in the Next 20 Years/ 11th AIMAC Conference (International Conference on Arts and Cultural Management) on July 3-6, 2011 in Antwerp, Belgium.*

9. *Asia Pacific Journal of Arts and Cultural Management - APJACM.*

website: apjacm.arts.unimelb.edu.au/

10. *International Journal of Arts Management - IJAM.* website: www.gestiondesarts.com/en/

11. *International Association of Arts and Cultural Management - AIMAC*

website: neumann.hec.ca/

Và một số chương trình đào tạo Quản lý văn hoá nghệ thuật của các nước Anh, Mỹ, Úc, Canada, Pháp, Singapore.

Ngày nhận bài: 28 - 4 - 2013

Ngày phản biện, đánh giá: 31 - 8 - 2013

Ngày chấp nhận đăng: 10 - 11 - 2013

a. Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa đại chúng phong phú và môi trường văn hóa lành mạnh ở các cộng đồng dân cư cơ sở trên tất cả 25 tiểu vùng văn hóa địa phương. (Ý này đã được đặt ra từ Đại hội X, XI).

b. Bảo tồn, phát huy và phát triển vốn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc Việt Nam.

c. Phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam (sánh vai cùng khu vực Đông Nam Á và thế giới).

d. Xây dựng và phát triển “xã hội đọc”, góp phần thúc đẩy xã hội học tập và xã hội kinh tế trí thức.

e. Củng cố, hình thành, phát triển và quản lý chặt chẽ hệ thống thị trường văn hóa.

g. Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, góp sức vào nhiệm vụ “Ngoại giao văn hóa”.

4. *Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giải pháp và chính sách cho sự phát triển văn hóa hiện nay:*

- Tái cấu trúc và chỉnh sửa hợp lý những giải pháp và chính sách văn hóa hiện có.

- Xây dựng bổ sung một số chính sách mới như: chính sách phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường; chính sách chuyển các tổ chức sự nghiệp văn hóa sang hoạt động theo phương thức dịch vụ sự nghiệp công; chính sách phát triển “sản nghiệp văn hóa” (Cultural Industries); chính sách phát triển các tổ chức hoạt động văn hóa dân lập và tư nhân; chính sách xây dựng văn hóa trong kinh doanh, doanh nghiệp.

Để kết thúc, chúng tôi xin nêu mấy ý kiến tâm đắc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay và khi nói đến các luận điểm về sáng tạo có liên quan đến chủ đề của bài viết này:

- Đối tượng trung tâm trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới là xây dựng con người mới, đồng thời phải coi trọng xây dựng đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh...

- Bất cứ lý thuyết, học thuyết nào cũng nằm

trong dòng chảy của tư duy nhân loại, đều kế thừa, phát triển trên tinh thần phủ định biện chứng những thành tựu trước đó và phải gắn với mảnh đất hiện thực, phản ánh sự vận động của hiện thực.

N.V.H

(*Nguyên Phó trưởng khoa VHQC*)

Tài liệu tham khảo

1. *Báo Đại đoàn kết*, ngày 7/8/2013 và ngày 16/8/2013.
2. *Báo Tiền phong*, ngày 21/3/2013 và ngày 9/8/2013.
3. *Báo Tuổi trẻ*, ngày 24/7/2013.
4. *Báo Thanh niên*, ngày 24/7/2013.
5. *Kỷ yếu hội thảo khoa học về Xây dựng văn hóa nông thôn mới* tổ chức 16/7/2013 tại Bắc Giang.
6. *Kỷ yếu hội thảo khoa học về Chính sách kinh tế trong văn hóa và Chính sách văn hóa trong kinh tế* tổ chức đầu 5/2013 tại ĐHVH Thành phố Hồ Chí Minh.
7. *Nghị quyết 05/Bộ Chính trị* ngày 28/11/1987.
8. *Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII* ngày 14/1/1993.
9. *Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII* ngày 16/7/1998.
10. *Nghị quyết Đại hội Đảng (khóa X)*.
11. *Nghị quyết Trung ương 4 khóa X* ngày 28/3/2007.
12. *Nghị quyết Đại hội XI về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*.
13. Trần Ngọc Thêm (2013), *Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam và hệ giá trị văn hóa truyền thống*, tr.184-207. Trong tác phẩm “*Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*”, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Lê Ngọc Trà (Chủ biên - 2002), *Văn hóa Việt Nam - đặc trưng và cách tiếp cận*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Võ Nguyên Giáp (2001), *Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 6- 3- 2013

Ngày phản biện, đánh giá: 8- 10- 2013

Ngày chấp nhận đăng: 1 - 12- 2013

LỄ KHÁNH THÀNH VƯỜN TƯỢNG DANH NHÂN VĂN HÓA

Sáng ngày 19/11/2013, cùng với chuỗi các sự kiện chào mừng kỷ niệm 31 năm ngày Nhà giáo Việt Nam, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã long trọng tổ chức Lễ Khánh thành vườn tượng danh nhân văn hóa.

Tham dự buổi lễ, có Tiến sĩ Đặng Thị Bích Liên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, nhà điêu khắc Lương Khắc Việt, tác giả của 4 bức tượng danh nhân, Ban Giám hiệu và tập thể cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường.

Bốn bức tượng Danh nhân được đặt tại vườn hoa:

Chu Văn An (1292 - 1370), nhà giáo, danh nhân văn hóa Việt Nam;

Nguyễn Trãi (1380 - 1442), anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới;

Lê Quý Đôn (1726 - 1784), nhà bác học, danh nhân văn hóa Việt Nam;

Nguyễn Du (1766 - 1820), đại thi hào, danh nhân văn hóa thế giới.

Tượng các danh nhân văn hóa là nhằm bày tỏ lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ về cuộc đời, sự nghiệp, tấm gương đạo đức và công lao to lớn của các vị; đồng thời khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tinh thần hiếu học, truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”.

Phát biểu tại buổi lễ, thay mặt Đảng ủy, BGH Nhà trường, ThS. Hoàng Trọng Nhất chia sẻ: “Nói đến văn hóa là nói đến những gì quý báu còn lại từ hàng ngàn năm, trong đó có những danh nhân là những trụ cột của cả nền văn hóa, của mỗi tầng văn hóa... Chúng ta tin tưởng rằng anh linh các danh nhân văn hóa: Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du cùng các vị tổ tiên, các thế hệ cha anh sẽ mãi mãi đồng hành cùng chúng ta trong sự nghiệp bảo tồn, phát huy, sáng tạo nền văn hóa Việt Nam, sự nghiệp đào tạo lớp lớp chủ nhân mới, góp phần cho nền văn hóa Việt Nam sánh vai với các nền văn hóa cường quốc khác”.

Nhân dịp lễ khánh thành vườn hoa tượng danh nhân, ThS. Hoàng Trọng Nhất cũng bày tỏ một nguyện vọng nữa mà thầy và trò Nhà trường muốn thực hiện trong thời gian tới, nhân sự kiện kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập Trường năm 2014, với sự góp sức của tập thể cán bộ giảng viên và sinh viên trong toàn trường, đặc biệt là sự giúp đỡ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đó là xây dựng biểu tượng văn hóa thời đại mới với hình tượng con người mở đầu: Người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới - Hồ Chí Minh với câu nói bất hủ: “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”.

LỄ CÔNG BỐ BỘ CHƯƠNG TRÌNH TÍN CHỈ

Sáng ngày 19/11/2013, cùng với sự kiện Lễ khánh thành vườn tượng danh nhân văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã tổ chức Lễ công bố Bộ chương trình tín chỉ.

Tiến sĩ Đặng Thị Bích Liên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đến tham dự Lễ công bố. Hoàn thiện bộ chương trình đào tạo tín chỉ là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của Nhà trường trong thời gian qua, cùng với việc chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ theo xu hướng của giáo dục thời đại và yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện bậc Đại học.

Sau một thời gian triển khai nghiên cứu, thảo luận với các hội thảo lớn nhỏ các cấp từ tổ bộ môn, cấp khoa, đến cấp trường. Nhà trường đã có 23 chương trình được hoàn thiện và nghiệm thu, trong đó có 9 chương trình của Bậc Đại học, 7 chương trình của bậc Cao đẳng và 7 chương trình của bậc Cao đẳng liên thông Đại học. Đây có thể nói là một trong những thành công lớn, là thành quả đáng ghi nhận của tập thể giảng viên Nhà trường trong suốt thời gian qua. Đây cũng là kết quả của quá trình chuyển đổi từ nhận thức, đến việc triển khai, thảo luận và sáng tạo không mệt mỏi của các giảng viên trong toàn trường, trong đó còn có sự góp sức của nhiều chuyên gia đầu ngành từng có thâm niên trong công tác giảng dạy và nghiên cứu cùng cộng tác triển khai.

TS. Đặng Thị Bích Liên - Thứ trưởng Bộ VH TTDL đã chúc mừng tập thể cán bộ giảng viên Nhà trường bằng những nỗ lực không ngừng đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Bộ VH TTDL, Bộ GD&ĐT giao phó. Thay mặt BGH, PGS. TS. NGUYỄN VĂN CƯƠNG, Hiệu trưởng Nhà trường đã cảm ơn sự nỗ lực của các thầy cô giáo trong thời gian qua để có thể hoàn thành bộ chương trình tín chỉ đồ sộ này. 350 tập bài giảng được nghiệm thu trong thời gian tới sẽ là nguồn tài liệu nghiên cứu và giảng dạy quan trọng cho thầy và trò Nhà trường nói riêng và cho các trường thuộc khối ngành Văn hóa, nghệ thuật của Bộ nói chung trên tinh thần trao đổi, chia sẻ cùng phát triển.

LỄ KỶ NIỆM 20 NĂM ĐÀO TẠO VĂN HÓA DU LỊCH

Sáng ngày 10/12/2013, Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm đào tạo Văn hóa du lịch (1993 - 2013).

Là sự kiện lớn của Khoa, ghi dấu ấn quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường, buổi lễ kỷ niệm được tổ chức long trọng với sự có mặt đông đủ của các vị khách mời nguyên là lãnh đạo, cán bộ giảng dạy của Khoa và của Nhà trường và đông đảo các cựu sinh viên của 17 khóa đã tốt nghiệp, đại diện các cơ quan báo chí.

Được thành lập từ năm 1993 trên cơ sở là chuyên ngành Văn hóa du lịch thuộc Khoa Bảo tàng (nay là Khoa Di sản văn hóa), Khoa Văn hóa Du lịch đã trải qua chặng đường 20 năm hình thành và phát triển. 20 năm, không phải thời gian dài nhưng cũng đủ để làm nên một thương hiệu: Thương hiệu mang tên Văn hóa Du lịch- Đại học Văn hóa Hà Nội. Khoa Văn hóa Du lịch được thành lập với tầm nhìn hàng trăm năm mà ngày hôm nay là một minh chứng với lễ Kỷ niệm 20 năm đào tạo. Sự lớn mạnh của Khoa và sự tể tựu đông đủ của thầy và trò từ những khóa đầu tiên trong buổi lễ kỷ niệm này đã khẳng định sự vươn mình phát triển và là niềm tự hào trong sự nghiệp GD&ĐT của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Những thành công ấy là nhờ có sự nỗ lực vươn mình không ngừng của cán bộ, giảng viên và các thế hệ sinh viên của Khoa trong suốt chặng đường qua.

Phát biểu tại buổi lễ, TS. Dương Văn Sáu – Trưởng khoa Văn hóa Du lịch đã ôn lại chặng đường phát triển: “20 năm, với 17 khóa tốt nghiệp ra trường, 3 chuyên ngành đào tạo: Lữ hành, Văn hóa Du lịch và Hướng dẫn viên du lịch, với các bậc Đại học, Cao đẳng và Cao đẳng liên thông Đại học, đã có 2016 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Nhiều sinh viên giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan quản lý văn hóa, các doanh nghiệp lớn, những hướng dẫn viên giỏi và là những đại sứ du lịch của đất nước... Đến nay, Văn hóa du lịch vẫn là một trong những khoa thu hút sinh viên đông nhất Trường. Có thể coi đây là bước đột phá quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường”.

TS. Dương Văn Sáu cũng chia sẻ những khó khăn trong quá trình đào tạo như trình độ ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên còn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội; giáo trình và các điều kiện học tập còn nhiều thiếu thốn. Nhưng với sự quyết tâm và yêu nghề, cán bộ, giảng viên trong khoa sẽ không ngừng nỗ lực, nâng cao trình độ chuyên môn để tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp đào tạo các cử nhân văn hóa tương lai, đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

Mừng lễ kỷ niệm 20 năm đào tạo Văn hóa du lịch cũng là dịp để cán bộ giảng viên và sinh viên trong Khoa chia sẻ nhiều hơn những kinh nghiệm, những đề xuất, mong muốn và cảm xúc của mình. Trong niềm vui hướng tới đại lễ kỷ niệm 55 Ngày thành lập Trường, PGS. TS. Nguyễn Văn Cường đã bày tỏ mong muốn những thành quả mà Khoa đạt được sẽ tiếp tục được phát huy, và Nhà trường cũng sẽ tạo mọi điều kiện để Khoa Văn hóa du lịch ngày càng lớn mạnh, phát triển hơn nữa cả về số lượng và chất lượng đào tạo.

THẺ LỆ GỬI BÀI

1. **“Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa”** của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội công bố các công trình nghiên cứu về văn hóa, nghệ thuật (truyền thống và hiện đại, Việt Nam và quốc tế), về đào tạo – nghiệp vụ trên lĩnh vực quản lý văn hóa, thư viện, bảo tàng, xuất bản – phát hành, du lịch, văn hóa dân tộc thiểu số, viết văn, văn hóa học; các bài thông tin, giới thiệu sách, bình luận, trao đổi về các chủ đề nêu trên.

2. Bài gửi đăng có *nội dung mới, chưa gửi đăng* trên tạp chí khoa học khác. Các bài gửi sẽ được Hội đồng biên tập tổ chức biên tập. Tổng Biên tập quyết định bài đăng. Bài không đăng sẽ không trả lại.

3. Bài gửi cho **“Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa”** nêu được kết quả nghiên cứu và theo cấu trúc của một bài báo khoa học, với các phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Thứ tự bài được bố cục như sau:

- Tên bài viết (đặt tên ngắn gọn, súc tích).

- Tóm tắt nội dung tiếng Việt: nêu cô đọng, súc tích nội dung, kết quả nghiên cứu của bài viết (khoảng 5 - 10 dòng với 100 - 150 từ).

- Từ khóa: .có từ 2-6 từ khóa, là ý chính của bài viết.

- Nội dung bài viết (từ 5 trang đến không quá 12 trang).

- Tóm tắt nội dung bài viết được dịch ra tiếng Anh (nếu có).

- Chú thích, tài liệu tham khảo.

Cuối bài là các dữ liệu của tác giả: Họ tên, chức danh khoa học, đơn vị, địa chỉ liên lạc, điện thoại, email. Bản in có chữ ký của tác giả; nếu có ảnh minh họa cho bài viết, tác giả gửi định dạng .jpg.

- Định dạng:

- Khổ giấy A4, cỡ chữ 13

- Font chữ: Times New Roman, bảng mã Unicode.

- Chú thích và tài liệu tham khảo:

Đề ở cuối bài (chú thích đề cuối bài và đặt thứ tự 1,2,3...) và được trình bày theo thứ tự như sau:

* Đối với tài liệu là sách: Tên tác giả, (năm xuất bản), tên sách, tập, nhà xuất bản, nơi xuất bản, trang trích dẫn.

* Đối với tài liệu là tạp chí: Tên tác giả, (năm xuất bản), tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, trang trích dẫn. (Nếu sách hoặc tạp chí của nước ngoài thì viết bằng tiếng của nước đã xuất bản ấn phẩm, không phiên âm, chuyển ngữ hoặc dịch).

Các tài liệu là sách, tạp chí được sắp xếp theo thứ tự A,B,C theo tên tác giả.

4. Tác giả bài viết phải chịu trách nhiệm về các thông tin mình cung cấp và chấp nhận quyền biên tập và đánh giá, phân loại của Ban biên tập. Bài viết được đăng, tác giả sẽ được tặng 01 cuốn **“Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa”**, được hưởng quyền lợi theo chế độ nhuận bút của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội và tính giờ nghiên cứu khoa học (nếu là giảng viên của Trường).

5. Bài viết gửi theo email và một bản in đến địa chỉ: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 418 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội. Cuối bài viết ghi rõ: Bài gửi đăng **“Tạp chí Nghiên cứu văn hoá”**

Email gửi bài: nghiencuuvanhoa@gmail.com, nghiencuuvanhoa@huc.edu.vn

Web: www.huc.edu.vn

Ban biên tập đã nhận được bài viết của các tác giả: Đàm Ngọc Thư, Đinh Thị Thanh Huyền, Đỗ Thị Thu Thủy, Đoàn Nhật Quang, Dương Đình Minh Sơn, Dương Văn Sáu, Hoàng Kim Ngọc, Lê Thị Cẩm Bình, Lê Thị Minh Trâm, Lê Thanh Bình, Lê Thu Hiền - Tăng Chánh Tín, Lương Thị Tiên, Lý Mỹ Dung, Nguyễn Huy Phòng, Nguyễn Thị Anh Quyên, Nguyễn Mạnh Cường, Đỗ Thị Minh Thúy, Nguyễn Thị Quế Anh, Nguyễn Thúy Linh, Nguyễn Văn Tiến, Phạm Quỳnh Phương, Phạm Thị Huệ, Phạm Trọng Lê Nghĩa, Phan Thị Huệ, Quảng Văn Sơn, Nguyễn Thanh Thủy, Tôn Thanh Hải, Trần Mai Ước, Vũ Dương Thúy Ngà, Vũ Thị Uyên, Nguyễn Thị Đức...

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của Quý vị. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu và đăng vào các số sau nếu đáp ứng được các yêu cầu.